TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN XUÂN LỘC** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HS-ST
Ngày 30- 11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUÂN LỘC, TỈNH ĐỒNG NAI

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đỗ Thị Nguyệt

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Tịnh Thới

Ông Hồ Phi Công

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Sương– Thư ký Tòa án

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Duy Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 146/2019/HSST ngày 08 tháng 11 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 11 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Hoàng H; Tên gọi khác: Hải Đ; Sinh năm 1986 tại Đồng Nai; Nơi ĐKHKTT: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: ông Nguyễn Văn Đ; Mẹ: bà Trương Thị N; Vợ: chị Nguyễn Kiều D; Con: có 02 người con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

2. Trần Ngọc A; Tên gọi khác: Bầu; Sinh năm 1991 tại Bà Rịa - Vũng Tàu;

Nơi DKHKTT: Ấp T, xã B, huyện X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Phật; Trình độ học vấn: 0/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Cha: ông Trần Ngọc T; Mẹ: bà Trần Ngọc P; Vợ: chị Lê Thị D (chưa đăng ký kết hôn); Con: có 02 người con; Tiền án, tiền sự: không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/3/2019 cho đến nay. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh Trần Văn C - sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyệ n X, tỉnh Đồng Nai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Công S – sinh năm 1958 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, thành phố Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Ông Trần Ngọc T1 – sinh năm 1959 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyệ n X, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Người làm chứng:

1. Anh Lê Tấn T2 – sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

2. Anh Lê Văn D1 – sinh năm 1996 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

3. Anh Lê Minh S – sinh năm 2001 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai.

4. Cháu Nguyễn Thị Lan A1 – sinh năm 2003 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Thị Lan A1: Bà Kiều Thị H;

Địa chỉ: Thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 21 giờ ngày 16/3/2019, Nguyễn Hoàng H cùng với Nguyễn Văn N, ngụ tại Ấp M, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai đến phòng ở của anh Lê Tấn T2 tại Trường mầm non đã ngừng hoạt động thuộc ấp 1A, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc chơi. Tại đây có anh T1, anh Lê Văn D1, anh Trần Văn C, anh Lê Minh S, cùng trú tại Ấp M, xã X, huyện X và em Nguyễn Thị Lan A1, trú tại thôn B, xã G, huyện T, tỉnh Bình Thuận. Sau đó, anh C, anh S và em Lan A1 rời khỏi phòng ở của anh T2 và đi ăn tối. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày, anh D1 gọi điện thoại nói chuyện với anh C (có mở loa ngoài), với nội dung rủ anh C mua ma túy sử dụng, thì anh C nói "nhóm H không có tiền chơi ma túy, đợi nhóm của H về thì C mới về phòng". Nghe vậy, H tức giận, nảy sinh ý định tìm anh C để đánh và chiếm đoạt ma túy đá để sử dụng. Sau đó, H nhờ N chở đi tìm anh C để đánh thì N đồng ý (H không nói ý định chiếm đoạt ma túy của anh C cho N nghe). Trên đường đi tìm ngang qua nhà, H nói N dừng xe rồi H vào trong nhà lấy 01 con dao thái lan dài khoảng 20 cm có cán màu vàng và 01 cây đèn pin màu đen bỏ trong túi quần, sau đó cùng N đi tìm anh C. Khi cả hai vừa đi ra khỏi nhà H được khoảng 100m thì gặp Trần Ngọc A đang điều khiển xe mô tô biển số 72H8-4518, H rủ Ngọc A cùng đi tìm anh C để đánh và chiếm đoạt ma túy của anh C để sử dụng hoặc nếu có tiền thì chiếm đoạt tiền, thì Ngọc A đồng ý. Sau đó, Ngọc A chở H trên xe mô tô 72H8-4518, còn Nhân đi xe mô tô của N cùng quay lại phòng ở của anh T2. Khoảng 22 giờ cùng ngày, Ngọc A, H và N đến nơi, H thấy anh C đang ở trong phòng của anh T nên nói N vào gọi anh C ra để nói chuyện nhưng anh C không ra. Do vậy, H đi vào phòng dùng tay phải nắm cổ áo kéo anh C ra ngoài sân, anh C kháng cự nên H đã dùng tay đánh vào mặt anh C 02 cái rồi tiếp tục lôi kéo anh C đến vị trí xe mô tô mà Ngọc A đang đứng đợi. Lúc này, có anh T2, anh D2, anh Svà em Lan A1 cùng chứng kiến sự việc. Thấy có nhiều người có mặt không tiện để thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của anh C nên H đã nảy sinh ý định đưa anh C lên xe chở đi đến địa điểm khác nhằm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. H nói anh C lên xe nhưng anh C không đồng ý, H liền lấy 01 con dao thái lan

dài khoảng 20 cm có cán màu vàng trong túi quần ra và đe dọa rằng nếu anh C không lên xe thì sẽ cắt cổ anh C. Nghe vậy, anh C sợ nên đồng ý lên xe mô tô của H nhưng yêu cầu H bỏ dao ra. H tiếp tục dùng tay đánh vào mặt anh C 01 cái, sau đó đưa dao cho N giữ và bắt anh C lên xe mô tô biển số 72H8-4518. Ngọc A điều khiển xe chở C ngồi giữa, H ngồi sau chạy đến vườn cây cao su của công ty cao su Đồng Nai, tại ấp 2, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc. Riêng N thì ở lại chứ không đi theo H và Ngọc A.

Khoảng 22 giờ 30 phút thì Ngọc A chở H và anh C đến vườn cây cao su nói trên, H kéo anh C xuống xe, dùng tay đánh vào mặt anh C 02 cái và hỏi anh C cất giấu ma túy ở đâu. Khi nghe anh C nói ma túy đang để trong ví da thì H nói Ngọc A đến giữ anh C. Ngọc A liền dùng hai tay của mình giữ chặt hai tay của anh C còn H dùng đèn pin chuẩn bị sẵn để rọi và lục lấy ví da trong túi quần phía sau của C, kiểm tra và chiếm đoạt số tiền 220.000 đồng của anh C. Do không tìm thấy ma túy trong ví da nên H hỏi anh C cất giấu ma túy đá ở đâu. Do sợ nên anh C nói H đưa lại ví da để anh C lấy ma túy đưa cho H. Lúc này Ngọc A buông tay anh C ra và anh C lấy 01 túi nilon chứa ma túy đá trong ví da (túi ma túy đá trên C mua của một người tên C không rõ nhân thân lai lịch với số tiền 150.000 đồng tại ấp 2, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc) đưa cho H. H cầm túi nilon chứa ma túy đá kiểm tra thì Ngọc A thấy túi ma túy nhỏ nên nói H trả lại cho anh C và H đã trả lại túi ma túy đá cho anh C. Đồng thời lúc này, H tiếp tục dùng chân đá anh C nên anh C bỏ chạy vào nhà dân gần đó nhờ giúp đỡ. Sau đó Ngọc A điều khiển xe mô tô chở H chạy về xã Xuân Hưng. Trên đường về, H nói với Ngọc A đã chiếm đoạt được của anh C số tiền 220.000 đồng. Số tiền trên H sử dụng 30.000 đồng đổ xăng cho xe của Ngọc A, đưa cho Ngọc A số tiền 150.000 đồng đi mua ma túy đá, còn lại số tiền 40.000 đồng H giữ lại. Sau đó, Ngọc A đi đến khu vực ấp 1, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc gặp một người tên Nghĩa (không rõ nhân thân lai lịch) và mua ma túy đá đưa về chòi bỏ hoang gần nhà H. Tại đây, Ngọc A, H và N cùng sử dụng số ma túy trên. Theo lời khai của H và Ngọc A thì khi sử dụng chung ma túy, H và Ngọc A không nói cho N biết nguồn gốc số ma túy trên là mua bằng tiền có nguồn gốc từ đâu.

*** Vật chứng vụ án:**

- 01 con dao Thái lan, dài khoảng 20cm, cán màu vàng, không thu hồi được;
- 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 72H8-4518, màu nâu.
- 01 đèn pin màu đen đã qua sử dụng.

*** Trách nhiệm dân sự:**

- Sau khi vụ án xảy ra, gia đình Nguyễn Hoàng H đã đến gặp thỏa thuận và trả lại số tiền 220.000 đồng cho người bị hại là anh Trần Văn C. Anh C đã nhận lại số tiền bị chiếm đoạt và đã viết đơn bãi nại về dân sự cho H và Ngọc A. Ngoài ra, bị hại không có yêu cầu gì khác. (Bút lục số 48, 49).

- 01 xe mô tô kiểu dáng Dream, biển số 72H8-4518, màu nâu đã được trả lại cho ông Trần Ngọc T1 là chủ sở hữu hợp pháp. Nhận lại tài sản, ông T1 không yêu cầu gì. (Bút lục số 134).

Tại bản cáo trạng số: 152/CT-VKSXL ngày 07 tháng 11 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc truy tố bị cáo Nguyễn Hoàng H và bị cáo Trần Ngọc A về tội "Cướp tài sản" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc phát biểu giữ nguyên quan điểm truy tố theo bản cáo trạng. Căn cứ khoản 1 Điều 157, điểm d khoản 2 Điều 168, điểm b,s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H từ 3 năm 06 tháng đến 04 năm tù về tội "Cướp tài sản" và từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 04 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật", tuyên phạt bị cáo Trần Ngọc A từ 3 năm đến 03 năm 06 tháng tù về tội "Cướp tài sản" và từ 01 năm đến 01 năm 02 tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với nội dung cáo trạng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án. Do bực tức anh Trần Văn C trong việc nghe anh C nói "nhóm H không có tiền chơi ma túy, đợi nhóm của H về thì C mới về phòng", bị cáo Nguyễn Hoàng H rủ bị cáo Trần Ngọc A cùng nhau đi tìm anh C để đánh và chiếm đoạt tài sản. Thực hiện ý định, khoảng 22 giờ ngày 16/3/2019, bị cáo Trần Ngọc A điều khiển xe mô tô biển số 72H8-4518 chở bị cáo H đi đến phòng ở của anh Lê Tấn T2 tại Trường mầm non đã ngừng hoạt động, thuộc ấp 1A, xã Xuân Hưng, huyện Xuân Lộc. Tại đây, bị cáo H đã có hành vi lôi, kéo, đánh vào mặt anh C và dùng 01 con dao Thái lan dài khoảng 20 cm, cán màu vàng đe dọa cắt cổ anh C và bắt anh C lên xe mô tô của bị cáo Trần Ngọc A chở anh C ngồi giữa, bị cáo H ngồi sau đi đến vườn cây cao su của Công ty cao su Đồng Nai, tại ấp 2, xã Xuân Hòa, huyện Xuân Lộc để chiếm đoạt tài sản. Khi chở anh C đến vườn cây cao su, bị cáo H đã có hành vi dùng tay đánh vào mặt anh C, bị cáo Trần Ngọc A giúp bị cáo H dùng hai tay của mình giữ chặt hai tay của anh C để bị cáo H lục lấy ví da trong túi quần phía sau của anh C và chiếm đoạt số tiền 220.000 đồng của anh C. Như vậy, hành vi của các bị cáo dùng dao là hung khí nguy hiểm đe dọa cắt cổ, dùng tay đấm vào mặt anh C, bắt giữ anh C nhằm chiếm đoạt tài sản của anh C là đã phạm vào tội "Bắt giữ người trái pháp luật" và tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 1 Điều 157, điểm d khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự như Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

[2] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội tại địa phương, xâm phạm đến quyền tự do, sức khỏe và tài sản của người khác. Vì vậy, cần áp dụng mức hình phạt nghiêm, tương xứng với hành vi các bị cáo nhằm giáo dục các bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung.

[3] Xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của các bị cáo: Trong vụ án này, các bị cáo cùng cố ý thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm giản đơn. Các bị cáo đều là thực hiện tội phạm với vai trò là người thực hành, trong đó bị cáo H là người thực hành tích cực và là người rủ rê bị cáo Trần Ngọc A thực hiện tội phạm. Qua đó, cho thấy bị cáo H thực hiện tội phạm với tính chất, mức độ cao hơn bị cáo Trần Ngọc A nên mức hình phạt được áp dụng cũng cao hơn bị cáo Trần Ngọc A.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện bồi thường cho anh C số tiền 220.000 đồng mà các bị cáo chiếm đoạt; các bị cáo có con còn nhỏ, hoàn cảnh gia đình khó khăn là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được xem xét để giảm nhẹ cho các bị cáo một phần hình phạt.

[6] Xét thấy tính chất, hậu quả của hành vi phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nghĩ nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự quyết định đối với các bị cáo một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với tội "Cướp tài sản" quy định tại khoản 2 Điều 168 của Bộ luật hình sự là cũng đủ nghiêm và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi của các bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Anh Trần Văn C đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt, không yêu cầu các bị cáo bồi thường thiệt hại gì thêm, nên không xem xét giải quyết.

[8] Về vật chứng vụ án: tuyên tịch thu tiêu hủy 01 đèn pin màu đen là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, hiện không còn giá trị.

[9] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Nhận định của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

[11] Về tính hợp pháp của hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 168; khoản 1 Điều 157; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng H phạm tội "Cướp tài sản" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc A phạm tội "Cướp tài sản" và tội "Bắt, giữ người trái pháp luật".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoàng H 04 (*bốn*) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 08 (*tám*) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Nguyễn Hoàng H phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 04 *(bốn*) năm 08 (*tám*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2019.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc A 03 (*ba*) năm tù về tội "Cướp tài sản" và 06 (*sáu*) tháng tù về tội "Bắt, giữ người trái pháp luật". Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Trần Ngọc A phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/3/2019.

2. Về vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu, tiêu hủy 01 đèn pin màu đen. (Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 02/8/2019 giữa Chi cục Thi hành án dân sự huyện Xuân Lộc và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc)

3. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Hoàng H phải nộp 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Trần Ngọc A phải nộp 200.000 (*hai trăm ngàn*) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Thị Nguyệt

Nơi nhận:
- TAND Tỉnh Đồng Nai;
- VKSND Tỉnh Đồng Nai;
- Sở Tư pháp Tỉnh Đồng Nai;
- Công an huyện Xuân Lộc;
- VKSND huyện Xuân Lộc;
- Chi cục THADS huyện Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;